

# Nghiên cứu xác lập bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển tại các huyện đảo vùng biển Đông Bắc

○ NGUYỄN VĂN TRIỀU<sup>1</sup>, NGUYỄN AN THỊNH<sup>1</sup>,  
LƯU THÀNH TRUNG<sup>2</sup>, LÊ ĐỨC DŨNG<sup>3</sup>  
NGUYỄN VĂN TRIỀU<sup>1</sup>, NGUYỄN AN THỊNH<sup>1</sup>,  
LƯU THÀNH TRUNG<sup>2</sup>, LÊ ĐỨC DŨNG<sup>3</sup>

<sup>(1)</sup> Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

<sup>(2)</sup> Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường

<sup>(3)</sup> Viện Nghiên cứu biển và hải đảo

**Tóm tắt:** Bài báo đề xuất các bước nghiên cứu xác định bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các huyện đảo vùng biển Đông Bắc. Bộ tiêu chí được tiếp cận nghiên cứu dựa trên phân tích chính sách pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường hải đảo ở nước ta và theo các nội dung đánh giá là hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý nhà nước; tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước; quản lý tài nguyên hải đảo; quản lý môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai hải đảo; phát triển bền vững kinh tế đảo. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bộ tiêu chí được đề xuất có thể nhân rộng áp dụng cho các khu vực biển đảo khác trong cả nước.

## Đặt vấn đề

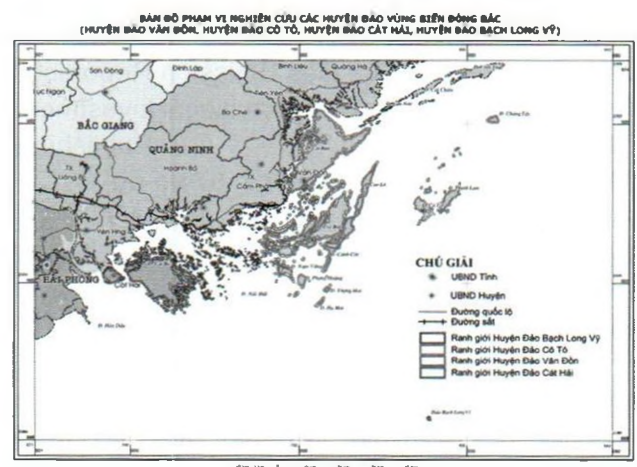
Phát triển bền vững kinh tế biển (KTB), hải đảo được quan tâm trong các diễn đàn trong nước và quốc tế. Việt Nam là một quốc gia biển có đường bờ biển dài, vùng biển đảo và lãnh hải rộng lớn với vị trí địa chiến lược quan trọng. BCH Trung ương ĐCSVN khóa XII đã có Nghị quyết số 36/NQ- TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững KTB Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 36) với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững KTB; hình thành văn hoá sinh thái biển; chủ động thích ứng với BĐKH, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng.

Tuy nhiên, qua thực tiễn quản lý hải đảo của trung ương và địa phương trong giai đoạn vừa qua, bên cạnh những thành tựu to lớn, nhiều vấn đề tồn tại, bất cập đã phát sinh tại cả trung ương và địa phương có biển, đảo, đòi hỏi cần sớm đổi mới trong những năm tiếp theo. Để giải quyết được vấn đề này, nghiên cứu đặt mục tiêu xác định bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý TN&BVMT biển, áp dụng cho khu vực thử nghiệm là các huyện đảo vùng biển Đông Bắc, bao gồm: Huyện đảo Vân Đồn, huyện đảo Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh), huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vỹ (TP. Hải Phòng).

## Đề xuất các bước xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý TN&BVMT biển ở các huyện đảo vùng biển Đông Bắc

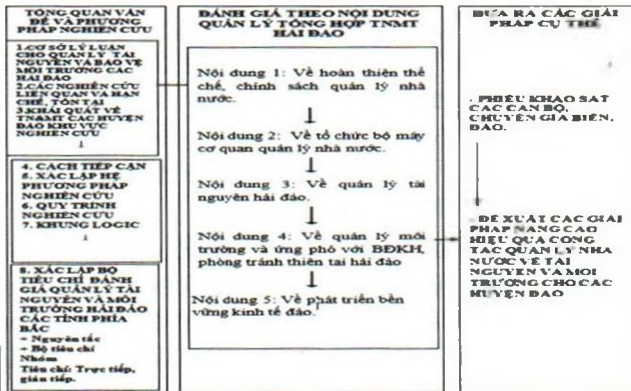
Để đánh giá thực trạng công tác quản lý TN&BVMT biển, các bước theo các nội dung quản lý TN&MT huyện đảo được xác lập với các nhóm tiêu chí đánh giá được xây dựng bao gồm các nội dung: (i) Hoàn thiện thể chế, chính sách QLNN; (ii) Tổ chức bộ máy cơ quan QLNN; (iii) Quản lý tài nguyên hải đảo; (iv) Quản lý môi trường và ứng phó với BĐKH, phòng tránh thiên tai hải đảo; (v) Phát triển bền vững kinh tế đảo.

Hình 1. Sơ đồ khu vực nghiên cứu





**Hình 2. Sơ đồ khung logic đánh giá công tác quản lý nhà nước về TN&BVMT biển ở huyện đảo các tỉnh phía Bắc.**



**Nhóm a. Các tiêu chí trực tiếp**

a1. Các tiêu chí về hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý TN&BVMT hải đảo: Ban hành văn bản QPPL quản lý TN&BVMT biển, hải đảo; mức độ tuân thủ và đáp ứng các quy định của pháp luật về quản lý TN&BVMT biển, hải đảo; tính hợp lý, chặt chẽ của các quy trình, thủ tục quản lý TN&BVMT biển, hải đảo, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ, hàng năm và 5 năm.

a2. Nhóm tiêu chí về về tổ chức bộ máy quản lý tổng hợp TN&BVMT biển, đảo: Công tác tổ chức bộ máy, thành lập cơ quan chuyên trách về quản lý TN&MT biển; chính sách hỗ trợ, đặc thù, tạo động lực cho cán bộ, tổ chức quản lý TN&BVMT biển, hải đảo.

a3. Nhóm tiêu chí về quản lý tài nguyên hải đảo, quản lý hoạt động lấn biển: Kết quả các dự án điều tra tài nguyên hải đảo; kết quả công tác điều tra cơ bản về tài nguyên hải đảo; tài nguyên hải đảo có được quản lý thống nhất theo chiến lược khai thác, sử dụng bền vững TN&BVMT biển và hải đảo; quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

Đánh giá theo các đảo về kết quả được điều tra cơ bản, đánh giá tổng thể, toàn diện về điều kiện tự nhiên, TN&MT; thống kê, phân loại để lập hồ sơ và định hướng khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên phục vụ phát triển KT-XH, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm QP-AN, ứng phó với BĐKH, nước biển dâng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa.

Đánh giá về bảo đảm hài hòa giữa nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo tồn, phát triển và BVMT, hệ sinh thái.

a4. Nhóm tiêu chí về quản lý môi trường, ứng phó với BĐKH, phòng tránh thiên tai trên đảo: Kết quả các dự án điều tra môi trường hải đảo; kết quả công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường và quản lý chất thải tại các hải đảo khu vực nghiên cứu.

a5. Nhóm tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế đảo: Tác động đến công tác thi đua, khen thưởng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, người lao động; các nguồn lực tài chính cho các tổ chức hành chính sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật; đánh giá về hiệu quả của quản lý nguồn lực, chống thất thoát, lãng phí, đảm bảo cung cấp đầy đủ và hợp lý các để đáp ứng các mục tiêu chất lượng trong quản lý; sự phù hợp của cơ chế phân bổ nguồn tài chính.

**b. Các tiêu chí gián tiếp**

b1. Tác động đến nâng cao năng lực quản lý nhà nước nói chung; b2. Tác động nâng cao chất lượng hoạt động quản lý tài nguyên và môi trường; b3. Tác động đến thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia, nhà khoa học, nghiên cứu KH&CN cho các địa phương có biển; b4. Tác động tới hợp tác quốc tế, đẩy mạnh, mở rộng với các đối tác quốc tế; b5. Tác động tổng hợp đến phát triển bền vững kinh tế.

**Kết quả đánh giá công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển ở các huyện đảo vùng biển Đông Bắc theo bộ tiêu chí được xây dựng**

Hiện nay việc phát triển kinh tế tại các huyện đảo, đặc biệt là tại các huyện đảo vùng biển Đông Bắc (Vân Đồn, Cô Tô, Bạch Long Vĩ và Cát Hải) đang gặp nhiều khó khăn như xung đột trong việc phát triển giữa các ngành, phát triển kinh tế làm suy thoái, ô nhiễm môi trường, một số các hệ sinh thái đặc hữu bị phá hủy,... Nguyên nhân là do việc khai thác, sử dụng TN&BVMT chưa hiệu quả, thiếu bền vững do khai thác tự phát, không tuân thủ quy hoạch; cách tiếp cận “nóng” trong khai thác tài nguyên đang là hiện tượng phổ biến tại các huyện đảo, do chỉ chú trọng đến sản lượng, số lượng mà ít chú ý đến chất lượng và lợi ích lâu dài của các dạng tài nguyên; nguy cơ ô nhiễm môi trường từ các hoạt động phát triển KT-XH, các KCN, CCN do công tác quản lý và kiểm soát việc xả thải không qua xử lý ra môi trường còn hạn chế từ các cấp chính quyền địa phương. Các huyện đảo vẫn được quản lý theo từng ngành vì vậy dẫn đến sự chồng chéo về quản lý giữa các bên liên quan, sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quản lý và BVMT còn hạn chế. Như vậy, để đạt được các mục tiêu theo Nghị quyết 36 đã đề ra thì công tác QLNN về TN&MT tại các huyện đảo cần được nâng cao và hiệu quả làm cơ sở cho việc phát triển kinh tế bền vững đồng thời BVMT tại các huyện đảo này. Một số vấn đề còn tồn tại trong thực tiễn:

Hiện nay, chưa có quy hoạch không gian biển, quy hoạch sử dụng hợp lý TN&BVMT biển giai đoạn mới được phê duyệt cho các huyện đảo; chưa triển khai thực hiện việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển đồng bộ đối với các huyện đảo; chưa có cơ chế khen thưởng,

# Đánh giá tác động bãi chôn lấp chất thải Công Tráng sử dụng mô hình LandGEM và chỉ số GWQI

○ NGUYỄN THỊ MỸ HẰNG<sup>1</sup>, NGUYỄN HIỀN THÂN<sup>2</sup>, NGUYỄN HẢI ÂU<sup>3</sup>

1,3 Viện Môi trường và Tài nguyên

2 Đại học Thủ Dầu Một

## Tóm tắt

*Ô nhiễm môi trường do bãi chôn lấp tạm đang trở thành vấn đề quan tâm trong những năm gần đây. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình LandGEM và chỉ số chất lượng nước dưới đất để đánh giá tác động bãi chôn lấp chất thải Công Tráng phục vụ cho xây dựng phương án cải tạo và phục hồi môi trường. Lượng nước rỉ rác phát sinh ra môi trường từ bãi chôn lấp là 70.520 m<sup>3</sup>. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, môi trường chất lượng nước dưới đất khu vực xung quanh bãi chôn lấp đã bị ô nhiễm. Thời gian ước tính phân hủy hoàn toàn chất thải được chôn lấp của bãi chôn lấp Công Tráng đến năm 2147.*

## Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế và gia tăng dân số đang tạo ra nhiều chất thải ra môi trường. Chất thải rắn là một trong những nguồn thải đang gia tăng nhanh chóng và gây ra nhiều thách thức cho công tác quản lý và xử lý nguồn thải này. Khối lượng CTR phát sinh nước ta khoảng 64.658 tấn/ngày (khu vực đô thị là 35.624 tấn/ngày và khu vực nông thôn là 28.394 tấn/ngày). Khối lượng chất thải sinh hoạt tăng đáng kể ở các địa phương có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa cao và du lịch như TP. Hồ Chí Minh (9.400 tấn/ngày), Thủ đô Hà Nội (6.500 tấn/ngày), Thanh Hoá (2.175 tấn/ngày), Hải Phòng (1.982 tấn/ngày), Bình Dương (2.661 tấn/ngày), Đồng Nai (1.885 tấn/ngày), Quảng Ninh (1.539 tấn/ngày), Đà Nẵng (1.080 tấn/ngày) và Bình Thuận (1.486 tấn/ngày) [1]. Khối lượng CTR đô thị phát sinh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khoảng 915 tấn/ngày (tương đương 1.307 m<sup>3</sup>/ngày với tỷ trọng của CTR đô thị tính khoảng 0,7)[2]. Khoảng 71% lượng CTR được xử lý bằng phương pháp chôn lấp, 16% được xử lý tại các nhà máy chế biến compost và 13% được xử lý bằng phương pháp đốt [1]. Tuy nhiên, số lượng bãi chôn lấp không hợp vệ sinh hiện nay chiếm tỷ lệ lớn. Nguy cơ gây ảnh hưởng môi trường từ bãi chôn lấp không hợp vệ sinh là rất lớn. Số lượng bãi rác tạm tại Việt Nam hiện hữu ở nhiều địa phương. Đây là nguồn có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường (ONMT) cao.

Bãi chôn lấp chất thải Công Tráng nằm ở vị trí Hương lộ 2, ấp Bắc, xã Hòa Long của TP. Bà Rịa có diện tích 3,26 ha. Thời gian hoạt động là từ tháng 4/2007 đến năm 2011. Bãi rác đã tiếp nhận và xử lý khoảng 78.239 tấn rác sinh hoạt được thu gom từ khoảng 11.800 hộ trên địa bàn TP. Bà Rịa. Đây là bãi rác tạm nên quy trình chôn lấp rất đơn giản, rác được chôn thành 2 lớp, mỗi lớp rác có bề dày khoảng 4 m theo địa hình tự nhiên, có phủ lên lớp sét sỏi vụn màu xám vàng (khoảng 0,5 m), có xử lý vôi bột, phun xịt chế phẩm vi sinh và thuốc diệt côn trùng để chống ruồi và hạn chế mùi hôi. Từ 2012 đến nay, bãi rác đã ngưng tiếp nhận chất thải. Đến nay, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt vẫn chưa được cải tạo và xử lý phù hợp vệ sinh môi trường, do đó khả năng gây ONMT đang là vấn đề đáng quan ngại.

## Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

**Dữ liệu:** Dữ liệu quan trắc chất lượng nước dưới đất được thu thập từ 9 giếng khoan của các hộ gia đình cách bãi chôn lấp chất thải khoảng 300 m. Các thống số pH, TDS, Fe, Nitrate, Clorua, độ cứng và Coliform. Thông tin hiện trạng bãi chôn lấp Công Tráng được thu thập từ Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 1 TP. Bà Rịa.

## Phương pháp chỉ số chất lượng nước dưới đất

Chỉ số chất lượng nước dưới đất được tính toán theo công trình nghiên cứu của Zhang, Q. (2021) [3]:  $C_j$  là nồng độ của thông số chất lượng nước và  $S_j$  là giới hạn nồng độ của thông số chất lượng nước trong QCVN